TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2024/QĐST-DS

Ứng Hoà, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 52/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

***/ Nguyên đơn**: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1946; Nơi ĐKHKTT: số 103 Tổ 73A Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: ông Lê Văn Thiên – Luật sư công ty Luật TNHH Vietlink – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

***/ Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972; Nơi ĐKHKTT: thôn Ngọ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội.

***/ Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+/ Anh Đỗ Trung Cường, sinh năm 1974; Nơi ĐKHKTT: số 103 Tổ 73A Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

+/ Anh Đỗ Trung Dũng, sinh năm 1979; Nơi ĐKHKTT: Trung đoàn 141 Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

+/ Chị Đỗ Thị Tuyết Nga, sinh năm 1982; Nơi ĐKHKTT: 95 ngõ 175 Lạc Long Quân, tổ 5 phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại của anh Cường, anh Dũng và chị Nga: ông Lê Văn Thiên – Luật sư công ty Luật TNHH Vietlink – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

2.1. Xác nhận nợ: ông Nguyễn Văn Phương xác nhận hiện còn nợ vợ chồng ông Đỗ Trung Dương, bà Đặng Thị Hữu, nay là bà Hữu cùng các con bà Hữu ông Dương (sau đây viết tắt là mẹ con bà Hữu) số tiền nợ gốc là 850.000.000đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và số tiền nợ lãi là 1.217.400.000đồng (*Một tỷ hai trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn*). Tổng cộng số tiền ông Phương nợ mẹ con bà Hữu là 2.067.400.000đồng (*Hai tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn*). Ngoài ra, không còn nợ nào khác.

2.2. Các bên thoả thuận về thời hạn, ph□ơng thức thanh toán nh□ sau:

* Về số tiền nợ gốc: ông Phương có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 850.000.000đồng cho mẹ con bà Hữu thành 03 đợt, cụ thể:

+/ Đợt 1: Chậm nhất đến hết ngày 30/12/2024, ông Phương có nghĩa vụ thanh toán trả cho mẹ con bà Hữu số tiền nợ gốc là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

+/ Đợt 2: Chậm nhất đến hết ngày 30/3/2025, ông Phương có nghĩa vụ thanh toán trả cho mẹ con bà Hữu số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).

+/ Đợt 3: Chậm nhất đến hết ngày 30/6/2025, ông Phương có nghĩa vụ thanh toán trả cho mẹ con bà Hữu số tiền nợ gốc còn lại là 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

* Về số tiền nợ lãi: ông Phương có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ lãi 1.217.400.000đồng cho mẹ con bà Hữu thành 03 đợt, cụ thể:

+/ Đợt 1: Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2025, ông Phương có nghĩa vụ thanh toán trả cho mẹ con bà Hữu số tiền nợ lãi là 330.000.000đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

+/ Đợt 2: Chậm nhất đến hết ngày 30/12/2025, ông Phương có nghĩa vụ thanh toán trả cho mẹ con bà Hữu số tiền nợ lãi là 330.000.000đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

+/ Đợt 3: Chậm nhất đến hết ngày 30/3/2026, ông Phương có nghĩa vụ thanh toán trả cho mẹ con bà Hữu số tiền nợ lãi là 340.000.000đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

Ông Phương tiếp tục phải chịu số tiền lãi kể từ ngày 11/4/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc nêu trên, với mức lãi suất là 1,2%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả.

* Trường hợp ông Phương trả được nợ cho mẹ con bà Hữu theo đúng thỏa thuận nêu trên (về thời gian trả, số tiền trả, …) thì mẹ con bà Hữu đồng ý miễn cho anh Phương số tiền 217.400.000đồng (*Hai trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn*) nợ lãi của đợt 3, cụ thể tại đợt 3 trả lãi: chậm nhất đến hết ngày

30/3/2026 ông Phương chỉ có nghĩa vụ thanh toán trả cho mẹ con bà Hữu số tiền nợ lãi còn lại là 340.000.000đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng chẵn)

* Trường hợp ông Phương không trả được nợ cho mẹ con bà Hữu theo đúng thỏa thuận nêu trên (về thời gian trả, số tiền trả,…) tại bất kỳ đợt thanh toán nào như thỏa thuận trên thì ông Phương phải có nghĩa vụ trả nợ cho mẹ con bà Hữu đủ số tiền nợ gốc 850.000.000đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn*) và số tiền nợ lãi 1.217.400.000đồng (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn) theo 03 đợt trả nợ gốc và 03 đợt trả nợ lãi nêu trên cùng với khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 11/4/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc nêu trên, với mức lãi suất là 1,2%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả. Và ông Phương phải có nghĩa vụ hoàn trả một lần toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại tại thời điểm vi phạm cho mẹ con bà Hữu ngay khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã nêu trên; đồng thời ông Phương đồng ý để mẹ con bà Hữu có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản thuộc sở hữu của ông Phương để thu hồi toàn bộ nợ còn lại theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.337.000 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 36.674.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; được giảm 50%, số tiền án phí dân sự sơ thẩm Bị đơn còn phải nộp 27.505.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm linh năm nghìn đồng chẵn)*;

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thành Trung